

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17 /2020/HS-ST

Ngày: 26/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thành; bà Nguyễn Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/HSST, ngày 29/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST- HS ngày 10/6/2020 đối bị cáo:

Họ tên: Trương Văn Q- Sinh ngày: 10/10/1976. Tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông: Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Q (Đều đã chết); Vợ: Bùi Thị S hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và 02 con lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo: ông Trịnh Văn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3, trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do

- Người bị hại: chị Ngân Thị L.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt

- Người làm chứng: anh Lê Tiến V, trú tại: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết và hẹn nhau từ trước nên khoảng 09 giờ 00 ngày 23/01/2020 Trương Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, biển kiểm soát 36L1 - 110.83 một mình từ nhà lên đón chị Ngân Thị L vào nhà nghỉ T thuộc thôn D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thuê phòng nghỉ. Khoảng 30 phút sau, Trương Văn Q đang nằm trên giường thì ngồi dậy còn chị L nằm quay mặt vào tường, Q phát hiện chiếc túi xách của chị L để dưới chân giường không khóa, nên thò tay vào túi kiểm tra, thấy có tiền, Q lấy toàn bộ số tiền trong túi xách của chị L bỏ vào túi quần của mình, rồi lại nằm xuống giường. Lúc này, Q lại nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị L nên Q lấy điện thoại của mình ra gọi điện nhưng trong tài khoản điện thoại không còn tiền nên không thực hiện được cuộc gọi, Q bảo chị L cho gọi nhờ một cuộc điện thoại từ máy của chị L, sau đó Q đọc số điện thoại cũ của con trai mình không còn sử dụng nữa cho chị L bấm máy, bấm xong chị L đưa máy điện thoại cho Q cầm để nghe, khi cầm chiếc điện thoại thì Q đi ra ngoài cửa phòng, lúc này mặc dù điện thoại báo thuê bao không liên lạc được nhưng Q vẫn giả vờ nói là “Ra chưa sao không nói để anh ra lấy tiền” để chị L tin là Q ra ngoài nói chuyện điện thoại, rồi Q đến quây Lũ Tân nhà nghỉ trả tiền phòng và lấy xe đi về nhà. Khi đi đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Lê Tiến V, Q đi vào cửa hàng nhờ anh V chạy lại phần mềm, sau đó Q đi về nhà, về đến nhà Q lấy số tiền trộm cắp được ra đếm thấy được 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), Q bỏ toàn bộ số tiền này vào tủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Q đến quán anh V lấy chiếc điện thoại về cất giấu.

Theo báo cáo của bị hại là chị Ngân Thị L thì ngày 23/01/2020 đã bị trộm cắp số tiền là: 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và có cho anh Trương Văn Q mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A10, màu xanh đen.

Ngày 06/02/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG A10, màu xanh, đen, tại thời điểm bị trộm cắp trị giá: 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Đối với hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại của chị Ngân Thị L trị giá là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), Trương Văn Q chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên chưa cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Văn Q.

- Về xử lý vật chứng: Chị L đã nhận lại tiền và điện thoại, không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, biển kiểm soát 36L1 - 110.83, Trương Văn Q sử dụng ngày 23/01/2020. Quá trình điều tra xác định là của chị Trương Thị T (chị gái Q) cho mượn để Q làm phương tiện đi làm và đón con đi học, chị T không biết việc Q dùng xe máy để làm phương tiện đi trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chị T.

Tại bản cáo trạng số 15 /CT-VKS-SH ngày 28/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã quyết định truy tố bị cáo Trương Văn Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 – BLHS; Điều 106, Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; xử phạt Trương Văn Q từ 09 tháng - 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18- 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì nên miễn xét; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn Q khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Nay bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội là sai, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại: chị Ngân Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng cũng có lời khai phù hợp với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng

Người bào chữa cho bị cáo trong bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Trương Văn Q: Thống nhất các nội dung trong bản cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS lên mức hình phạt và xem xét điều kiện hoàn cảnh của Trương Văn Q là người dân tộc, sống ở vùng kinh tế khó khăn, vợ đi xuất khẩu lao động nhiều năm chưa về, hiện đang nuôi con ăn học để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả định giá, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23/01/2020 tại nhà nghỉ T thuộc thôn D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, Trương Văn Q đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Ngân Thị L số tiền: 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của Trương Văn Q đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy việc xử lý nghiêm với Trương Văn Q là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo đồng thời giáo dục răn đe kẻ khác.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo thực sự ăn, năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Ngày 22/6/2020, ủy ban nhân dân xã C xác nhận Trương Văn Q từ trước đến nay ở địa phương không vi phạm gì, vợ đi xuất khẩu lao động đã nhiều năm chưa về, hiện nay đang nuôi con ăn học nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Q. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, căn cứ Điều 65 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp, đúng pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nữa nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS, Điều 135; Điều 136; Điều 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Q 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn Q cho UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Trương Văn Q phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngân Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện C;
- VKND huyện C;
- VKS tỉnh Thanh hóa (P7)
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C
- Các Cơ quan hữu quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh